

Số: 93 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Quản lý biên chế khối chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2026

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (gọi là Kết luận số 28-KL/TW); Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 40-KL/TW); thực hiện Quyết định số 73-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 28/11/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026; tỷ lệ tinh giản tại các cơ quan đơn vị giai đoạn 2016-2021, số lượng công chức, viên chức có mặt,... Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý biên chế giai đoạn 2022-2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai thực hiện các nội dung Kết luận số 28-KL/TW, Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Làm cơ sở thực hiện sử dụng biên chế công chức, viên chức từng năm của các cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp số chỉ tiêu biên chế theo kế hoạch của Ban thường vụ Tỉnh ủy; làm căn cứ kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác quản lý biên chế, thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Việc quản lý, sử dụng biên chế phải khoa học, đảm bảo theo chủ trương kết luận của Bộ Chính trị và các quy định có liên quan, gắn chặt chẽ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Từng cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế được giao; trong đó xác định trách nhiệm, giải pháp để thực hiện. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tại đơn vị, địa phương mình.

II. MỤC TIÊU

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo lộ trình đề ra, phấn đấu đến cuối năm 2026 biên chế công chức còn lại đảm bảo theo Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 28/11/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy là 2.889 cán bộ, công chức; về biên chế viên chức theo Kế hoạch số 206-KH/TU ngày 28/11/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy là 33.848 biên chế. Tuy nhiên, hiện nay biên chế đối với ngành giáo dục và ngành y tế hiện không đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của tỉnh và không còn khả năng để tinh giản giai đoạn tiếp theo; do đó, đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, căn cứ tình hình thực tế hàng năm của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương; đối với biên chế viên chức đối với đơn vị sự nghiệp khác, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng lộ trình theo quy định (đến năm 2026 là 2.350 biên chế, giảm 243 biên chế (tỷ lệ 10,02%) so với năm 2022).

(Phụ lục dự kiến biên chế đến năm 2026 kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên về mục tiêu, quan điểm, ý nghĩa, yêu cầu của đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên.

- Khuyến khích sự năng động, sáng tạo, phát huy tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Thường xuyên nắm bắt tình hình, động viên, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các cơ quan, tổ chức trên cơ sở nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân.

3. Về quản lý biên chế

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện tốt trách nhiệm quản lý biên chế theo quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước và Quy định số 19-QĐ/TU của BTVTU về quản lý biên chế. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, phát huy vai trò quản lý và điều hành của chính quyền; thẩm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân.

- Thực hiện tinh giản biên chế có trọng tâm, trọng điểm, giao biên chế phù hợp với quy mô, chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị.

- Kiên quyết tinh giản biên chế đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn theo quy định, những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương làm cơ sở để giao biên chế, đồng thời thực hiện cắt giảm, điều chuyển biên chế đối với cơ quan, đơn vị không sử dụng, không để tình trạng nơi thừa, nơi bị thiếu biên chế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nhất là trong công tác quản lý biên chế, bảo đảm chặt chẽ, khoa học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối tượng tinh giản biên chế, người dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định.

4. Về cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Rà soát, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm nhận nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn đào tạo, năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Thực hiện phân công, cơ cấu lại từng vị trí việc làm theo quy định và chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tối đa chỉ tiêu biên chế được giao.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông tin, tuyển dụng phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh để mở rộng nguồn tuyển dụng từ đó nâng cao chất lượng công chức, viên chức.

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy chế đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức; trong đó lấy tỷ lệ hoàn thành khối lượng, tiến độ và hiệu quả, chất lượng công việc được giao là thước đo để đánh giá, xếp loại cán bộ, công

chức, viên chức. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong từng giai đoạn.

5. Về công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, kiên quyết xử lý đối với các tập thể, cá nhân không thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Về cơ chế chính sách

Xây dựng chính sách phù hợp, tạo điều kiện, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập các trường tư thục nhằm đẩy mạnh xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông ở các địa bàn có điều kiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ hàng năm trên cơ sở hiện trạng, báo cáo kết quả thực hiện biên chế công chức khối chính quyền địa phương cơ quan; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế của các năm tiếp theo đảm bảo thực hiện kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ kế hoạch này, biên chế được giao hàng năm tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện tại đơn vị, địa phương.

Trên đây là Kế hoạch quản lý biên chế khối chính quyền địa phương giai đoạn 2022 - 2026 của UBND tỉnh. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, chỉ đạo xử lý./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX.

E/Hải-VX/4.2023



Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC I
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAI ĐOẠN 2022-2026
(Kèm theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2022	Năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4	5
TỔNG		3,041	2,889	
I	CẤP TỈNH	1,465	1,391	
1	Thường trực & các ban HĐND tỉnh	8	8	
	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	29	25	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	65	63	
	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	5	5	
3	Sở Tài chính	81	77	
4	Sở Y tế	77	73	
5	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	81	77	
6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	52	49	
7	Sở Công thương	56	53	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	56	53	
9	Sở Ngoại vụ	27	25	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	249	239	
11	Sở Nội vụ	85	82	
12	Thanh tra tỉnh	35	33	
13	Sở Giao thông vận tải	109	104	
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	64	61	
15	Sở Tư pháp	36	34	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	47	44	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2022	Năm 2026	Ghi chú
17	Sở Xây dựng	67	63	
18	Sở Thông tin và Truyền thông	31	29	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	105	100	
20	Ban Dân tộc	18	18	
21	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	22	19	
22	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	60	57	
II	CẤP HUYỆN	1,576	1,498	
1	Thành phố Biên Hòa	199	190	
2	Huyện Định Quán	135	128	
3	Huyện Cẩm Mỹ	132	126	
4	Thành phố Long Khánh	139	132	
5	Huyện Long Thành	151	142	
6	Huyện Nhơn Trạch	134	127	
7	Huyện Tân Phú	125	122	
8	Huyện Thống Nhất	140	133	
9	Huyện Trảng Bom	152	143	
10	Huyện Vĩnh Cửu	135	128	
11	Huyện Xuân Lộc	134	127	



PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC GIAI ĐOẠN 2022-2026
ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHÁC

(Kèm theo Kế hoạch số 93 /KH-UBND ngày 7 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	2022	2026	Ghi chú
1	2	3	4	5
TỔNG		2,426	2,350	
I	CẤP TỈNH	1,850	1,831	
1	Trường Đại học Đồng Nai	379	339	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	75	67	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	97	85	
4	Trường Cao đẳng Y tế	75	67	
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	270	248	
6	Nhà Thiếu nhi	18	16	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	299	269	
8	Sở Giao thông vận tải	57	51	
9	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	205	185	
10	Văn phòng UBND tỉnh	29	26	
11	Sở Công Thương	28	25	
12	Sở Tư pháp	32	29	
13	Sở Nội vụ	15	15	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	31	28	
15	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	10	9	

16	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	20	18	
17	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	210	200	
18	Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai	-	154	
II	CẤP HUYỆN	576	519	
1	Thành phố Biên Hòa	51	46	
2	Thành phố Long Khánh	54	49	
3	Huyện Cẩm Mỹ	51	46	
4	Huyện Định Quán	50	45	
5	Huyện Long Thành	61	55	
6	Huyện Nhơn Trạch	46	41	
7	Huyện Tân Phú	49	44	
8	Huyện Thống Nhất	53	48	
9	Huyện Trảng Bom	59	53	
10	Huyện Vĩnh Cửu	51	46	
11	Huyện Xuân Lộc	51	46	